



KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CÔNG CHỨC NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG 2

(Kèm theo Thông báo số **30** /TB-HĐTD ngày **03** tháng 11 năm 2024)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
I. Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh							
1	Bạch Hà An	6/11/2000	KT001	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực X	
2	Phan Hồng An	3/2/1996	KT002	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
3	Vũ Trường An	20/7/2001	KT003	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
4	Cao Linh Anh	21/6/2001	KT004	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
5	Dương Quỳnh Anh	26/10/1997	KT005	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
6	Đào Ngọc Anh	18/02/2002	KT006	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	
7	Đặng Châu Anh	20/6/2002	KT007	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
8	Đỗ Thị Minh Anh	5/9/2001	KT008	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
9	Hà Xuân Thái Anh	2/4/2001	KT009	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành Ib	
10	Hoàng Trịnh Phương Anh	5/8/2000	KT010	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
11	Lê Hải Anh	23/7/2000	KT011	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
12	Ngô Thị Quỳnh Anh	10/4/2002	KT012	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
13	Nguyễn Đức Anh	31/3/1993	KT013	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
14	Nguyễn Hồng Anh	13/5/2001	KT014	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
15	Nguyễn Ngọc Anh	16/2/2000	KT015	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
16	Nguyễn Ngọc Duy Anh	30/9/1998	KT016	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành Ib	
17	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	5/7/2002	KT017	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
18	Nguyễn Ngọc Tú Anh	15/5/1987	KT018	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
19	Nguyễn Phan Hoàng Anh	21/10/1997	KT019	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
20	Nguyễn Tuấn Anh	18/4/2002	KT020	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
21	Nguyễn Thị Kim Anh	15/10/1992	KT021	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
22	Nguyễn Thị Trâm Anh	10/9/1993	KT022	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực X	
23	Phạm Thúy Anh	22/10/1995	KT023	Phòng 01	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực X	
24	Tạ Duy Anh	11/11/2002	KT024	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
25	Nguyễn Minh Ánh	20/2/2002	KT025	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
26	Phạm Gia Bách	29/5/1998	KT026	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
27	Hà Gia Bảo	14/3/2000	KT027	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
28	Hồ Quốc Bảo	27/12/1983	KT028	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	
29	Đỗ Đăng Bình	10/4/1987	KT029	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
30	Trần Ngọc Xuân Bình	4/11/1997	KT030	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
31	Nguyễn Tiến Cương	14/9/2001	KT031	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực X	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
32	Hoàng Văn Cường	16/12/1997	KT032	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	
33	Nguyễn Hữu Cường	26/9/1997	KT033	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực X	
34	Hà Ngọc Quỳnh Chi	16/10/2001	KT034	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
35	Nguyễn Quỳnh Chi	17/2/2002	KT035	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
36	Phạm Thị Kim Chi	11/6/1998	KT036	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
37	Thân Thị Hà Chi	26/8/2002	KT037	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
38	Ngô Tuyết Chinh	3/5/1995	KT038	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực X	
39	Quách Thành Chương	5/12/2002	KT039	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
40	Đỗ Thùy Dung	30/8/2000	KT040	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
41	Nguyễn Thị Dung	10/11/2002	KT041	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
42	Nguyễn Thùy Dung	8/4/1991	KT042	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
43	Đồng Việt Dũng	21/12/1998	KT043	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
44	Đồng Xuân Dũng	28/5/2000	KT044	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
45	Mai Tiến Dũng	22/4/2002	KT045	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
46	Nguyễn Đăng Dũng	7/2/2002	KT046	Phòng 02	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
47	Nguyễn Đức Dũng	18/9/2002	KT047	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
48	Nguyễn Hữu Dũng	13/2/1999	KT048	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
49	Nguyễn Trung Dũng	14/5/2002	KT049	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
50	Nguyễn Xuân Dũng	13/4/1999	KT050	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
51	Trần Anh Dũng	30/9/2000	KT051	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN Chuyên ngành II	
52	Ngô Thiện Duy	5/11/2001	KT052	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	
53	Nguyễn Khánh Duy	24/1/1999	KT053	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
54	Nguyễn Thị Minh Duyên	17/11/2001	KT054	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	
55	Đào Thị Thùy Dương	27/9/2002	KT055	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
56	Đỗ Thái Dương	27/3/2002	KT056	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực X	
57	Lê Bạch Dương	30/12/2001	KT057	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	Con thương binh
58	Ngọc Thị Thùy Dương	11/9/1982	KT058	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
59	Nguyễn Hồng Dương	9/11/2000	KT059	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
60	Nguyễn Thái Dương	5/1/2002	KT060	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
61	Nguyễn Thùy Dương	9/5/2001	KT061	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
62	Trịnh Minh Dương	12/12/2002	KT062	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
63	Dương Phú Đạt	7/10/1999	KT063	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
64	Nguyễn Thành Đạt	13/10/2000	KT064	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
65	Tô Văn Đạt	25/2/1996	KT065	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
66	Bùi Hương Giang	27/4/2002	KT066	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
67	Đặng Thị Linh Giang	5/10/1993	KT067	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
68	Lê Thị Giang	25/5/1998	KT068	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
69	Nguyễn Văn Cẩm Giang	13/12/1990	KT069	Phòng 03	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	
70	Phạm Minh Giang	20/9/1999	KT070	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	Con thương binh
71	Phạm Trường Giang	3/1/2000	KT071	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	
72	Phạm Văn Giang	22/6/2002	KT072	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
73	Tạ Kiều Hương Giang	19/8/1998	KT073	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Vụ Pháp chế	
74	Trần Hương Giang	28/7/2002	KT074	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
75	Trương Lam Giang	8/1/2001	KT075	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	
76	Đặng Ngọc Hà	27/12/2000	KT076	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
77	Trần Thu Hà	12/4/1999	KT077	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	Dân tộc thiểu số
78	Ngô Nam Hải	31/8/2002	KT078	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
79	Nguyễn Đức Hải	13/8/2000	KT079	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	
80	Nguyễn Thị Hào	16/2/2001	KT080	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
81	Nguyễn Thị Minh Hằng	22/12/2002	KT081	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
82	Phạm Thu Hằng	26/6/1999	KT082	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
83	Trần Thị Lệ Hằng	31/3/2002	KT083	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
84	Nguyễn Thị Ngọc Hân	17/12/2000	KT084	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
85	Đường Thị Phương Hiền	13/8/2000	KT085	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	Dân tộc thiểu số
86	Hoàng Thúy Hiền	22/01/2000	KT086	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
87	Nguyễn Phương Hiền	11/6/2000	KT087	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
88	Đinh Công Hiền	08/09/1995	KT088	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực V	
89	Tổng Gia Hiền	08/4/2000	KT089	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
90	Bùi Trung Hiếu	8/9/2002	KT090	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
91	Đỗ Minh Hiếu	7/11/2001	KT091	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
92	Hồ Sỹ Hiếu	3/6/1997	KT092	Phòng 04	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
93	Trần Mạnh Hiếu	12/9/1999	KT093	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
94	Vương Minh Hiếu	05/02/1999	KT094	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	Dân tộc thiểu số
95	Nguyễn Phương Hoa	27/3/2002	KT095	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
96	Nguyễn Thị Hòa	21/7/1984	KT096	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
97	Trần Thị Hòa	28/2/1989	KT097	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
98	Phạm Quốc Hoàn	26/4/2002	KT098	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
99	Đậu Việt Hoàng	10/3/1999	KT099	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
100	Nguyễn Đức Hoàng	31/12/2001	KT100	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
101	Nguyễn Phi Hoàng	13/5/2002	KT101	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
102	Nguyễn Quang Hoàng	25/8/1996	KT102	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
103	Vũ Đức Hoàng	17/8/1999	KT103	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
104	Vũ Sơn Hoàng	4/12/2002	KT104	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
105	Lê Thanh Huệ	7/11/1995	KT105	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
106	Trịnh Thanh Hùng	18/5/1993	KT106	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
107	Đào Nhật Huy	07/5/1997	KT107	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
108	Đỗ Như Huy	30/7/2002	KT108	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
109	Lê Hồng Huy	17/01/1993	KT109	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
110	Lê Quang Huy	27/12/2002	KT110	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	Dân tộc thiểu số
111	Nguyễn Quang Huy	29/10/2002	KT111	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành Ib	
112	Trương Đức Huy	23/3/1995	KT112	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
113	Hoàng Thanh Huyền	26/10/1999	KT113	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
114	Nguyễn Thị Khánh Huyền	7/2/1999	KT114	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
115	Trần Thanh Huyền	30/11/2000	KT115	Phòng 05	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
116	Đỗ Quốc Huỳnh	1/3/2002	KT116	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
117	Bùi Lan Hương	12/09/2002	KT117	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực V	
118	Hoàng Thị Mai Hương	20/11/2002	KT118	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
119	Khúc Thanh Hương	31/12/1996	KT119	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
120	Lương Lan Hương	20/4/2001	KT120	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
121	Phạm Mai Hương	6/5/2002	KT121	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
122	Đoàn Anh Kiệt	31/10/1987	KT122	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
123	Vương Tuấn Kiệt	14/9/2002	KT123	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
124	Đỗ Quốc Khánh	24/4/1998	KT124	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
125	Phan Nhật Khánh	8/7/1999	KT125	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	
126	Ngô Mai Khuê	30/9/2002	KT126	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
127	Nguyễn Mạnh Lâm	23/11/1998	KT127	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
128	Nguyễn Như Bá Lâm	12/10/1998	KT128	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Vụ Pháp chế	
129	Trần Hương Lê	3/5/2002	KT129	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
130	Dương Đỗ Khánh Linh	11/06/2001	KT130	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
131	Đặng Việt Linh	20/4/2000	KT131	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
132	Đoàn Kiều Linh	20/11/2002	KT132	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
133	Hoàng Diệu Linh	3/11/2000	KT133	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
134	Hoàng Thị Thủy Linh	26/4/2002	KT134	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
135	Lê Khánh Linh	12/9/2000	KT135	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
136	Lê Ngọc Linh	16/7/2002	KT136	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
137	Lương Huyền Linh	12/4/2000	KT137	Phòng 06	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
138	Mai Khánh Linh	8/8/2002	KT138	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
139	Ngô Thị Diệu Linh	2/6/1998	KT139	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
140	Nguyễn Đỗ Thùy Linh	6/4/2002	KT140	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	Dân tộc thiểu số
141	Nguyễn Hà Linh	25/8/2002	KT141	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
142	Nguyễn Hà Linh	29/10/2002	KT142	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
143	Nguyễn Lê Thảo Linh	10/11/2002	KT143	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Vụ Pháp chế	
144	Nguyễn Thảo Linh	22/7/2002	KT144	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
145	Nguyễn Văn Linh	2/9/2002	KT145	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
146	Phạm Ngọc Hiền Linh	22/7/1995	KT146	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
147	Phạm Ngọc Hoàng Linh	11/8/1998	KT147	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	Dân tộc thiểu số
148	Tô Thảo Linh	17/4/2000	KT148	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
149	Tô Thị Thùy Linh	22/06/1999	KT149	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
150	Trần Diệp Linh	12/1/1998	KT150	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
151	Trần May Linh	9/12/2000	KT151	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
152	Trịnh Khánh Linh	26/5/2000	KT152	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
153	Vũ Khánh Linh	31/12/2000	KT153	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
154	Vũ Thùy Linh	3/5/2000	KT154	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
155	Trần Thị Loan	13/9/1993	KT155	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực V	
156	Đặng Hải Long	3/1/2001	KT156	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
157	Hoàng Văn Long	22/4/1992	KT157	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
158	Lê Bình Long	21/7/2001	KT158	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
159	Nguyễn Hoàng Long	20/8/1990	KT159	Phòng 07	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
160	Nguyễn Thành Long	15/8/2001	KT160	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	
161	Vũ Hải Long	10/1/2001	KT161	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
162	Hán Hồng Luân	28/10/1986	KT162	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	Dân tộc thiểu số
163	Chu Thị Khánh Ly	25/5/1998	KT163	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
164	Nguyễn Khánh Ly	31/10/2001	KT164	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
165	Đoàn Trần Quỳnh Mai	12/9/2002	KT165	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
166	Hà Trọng Mạnh	04/7/1999	KT166	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
167	Nguyễn Xuân Mạnh	25/5/2000	KT167	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
168	Chu Duy Minh	9/6/2000	KT168	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
169	Dương Ngọc Minh	12/3/1998	KT169	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	
170	Lê Ngọc Minh	25/11/2002	KT170	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
171	Ngô Hoàng Minh	20/12/2001	KT171	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
172	Phạm Tuấn Minh	30/11/2000	KT172	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
173	Trần Quang Minh	4/5/2002	KT173	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
174	Vi Nguyễn Duy Minh	18/01/2001	KT174	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
175	Quách Hà My	25/7/2001	KT175	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	Dân tộc thiểu số
176	Nguyễn Thị Kim My	01/01/1991	KT176	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực V	
177	Đào Văn Nam	20/9/1997	KT177	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
178	Phạm Văn Nam	21/02/2000	KT178	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
179	Trần Khánh Nam	26/11/2002	KT179	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
180	Lê Mỹ Nga	3/12/2001	KT180	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
181	Đỗ Kim Ngân	10/10/2001	KT181	Phòng 08	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
182	Ngô Hồng Ngân	19/2/2001	KT182	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
183	Nguyễn Thị Thu Ngân	12/8/2002	KT183	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
184	Nguyễn Thị Thuỷ Ngân	19/03/2000	KT184	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
185	Lê Minh Nghĩa	28/2/1999	KT185	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
186	Nguyễn Minh Nghĩa	31/5/2000	KT186	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
187	Nguyễn Hữu Ngọc	19/10/1990	KT187	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	
188	Nhữ Vũ Bích Ngọc	5/8/2001	KT188	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
189	Văn Ánh Ngọc	1/1/2002	KT189	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
190	Đỗ Phương Nguyên	11/2/2001	KT190	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
191	Lê Thảo Nguyên	17/5/2002	KT191	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Vụ Pháp chế	
192	Nguyễn Phạm Tây Nguyên	26/12/1997	KT192	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
193	Trần Anh Nguyên	21/11/1999	KT193	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
194	Trương Minh Nguyệt	17/5/2002	KT194	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
195	Nguyễn Trần Nhân	13/01/1993	KT195	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
196	Hoàng Kim Nhật	12/11/2002	KT196	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
197	Nguyễn Đức Nhật	20/10/2000	KT197	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
198	Lê Yến Nhi	23/11/2002	KT198	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
199	Bùi Hồng Nhung	09/09/1994	KT199	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
200	Đặng Tuyết Nhung	16/10/2001	KT200	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
201	Đỗ Hồng Nhung	29/11/1999	KT201	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
202	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	1/12/1996	KT202	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
203	Nguyễn Kim Oanh	15/4/2001	KT203	Phòng 09	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
204	Võ Trọng Nguyễn Phong	25/5/1992	KT204	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
205	Lê Duy Phú	5/11/1993	KT205	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
206	Lê Xuân Phú	26/8/2001	KT206	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
207	Bùi Hữu Phúc	20/7/2001	KT207	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
208	Nguyễn Thị Thu Phúc	22/11/2002	KT208	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
209	Trần Gia Phúc	9/8/2000	KT209	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
210	Lê Thị Minh Phương	26/11/2001	KT210	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
211	Nguyễn Nam Phương	7/10/2001	KT211	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
212	Bùi Minh Quang	26/8/2002	KT212	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
213	Đoàn Nhất Quang	11/1/1999	KT213	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
214	Đỗ Nhật Quang	28/12/1994	KT214	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
215	Nguyễn Tiến Quang	23/12/2001	KT215	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
216	Vũ Đức Quang	19/10/1998	KT216	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
217	Đỗ Phú Quân	20/8/1998	KT217	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
218	Hà Anh Quân	9/9/2001	KT218	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
219	Bùi Xuân Quốc	16/5/1998	KT219	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
220	Nguyễn Văn Quyết	20/1/2000	KT220	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
221	Hồ Phạm Diễm Quỳnh	20/12/1996	KT221	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
222	Vũ Diễm Quỳnh	3/11/2001	KT222	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
223	Lương Thái Sơn	29/11/1999	KT223	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
224	Nguyễn Ngọc Sơn	25/11/1996	KT224	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	
225	Tổng Đình Sơn	12/10/2001	KT225	Phòng 10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	Dân tộc thiểu số
226	Trần Thanh Sơn	23/6/2001	KT226	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
227	Hoàng Thị Nhân Tâm	08/11/1988	KT227	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	Con thương binh
228	Phùng Tuệ Tâm	28/5/2002	KT228	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
229	Đào Việt Tân	25/10/2001	KT229	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
230	Mai Quỳnh Tiên	9/10/1998	KT230	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
231	An Quang Tiến	14/11/1985	KT231	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	Con thương binh
232	Nguyễn Ngọc Tiến	24/11/1994	KT232	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
233	Nguyễn Văn Tiến	15/5/2000	KT233	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	
234	Bùi Đình Toàn	12/9/1993	KT234	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
235	Nguyễn Khánh Toàn	12/12/1995	KT235	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
236	Hoàng Thị Ngọc Tú	05/10/2000	KT236	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
237	Nguyễn Thanh Tú	10/10/2001	KT237	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	
238	Quách Tô Thiên Tú	26/9/1998	KT238	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
239	Hồ Anh Tuấn	14/1/2002	KT239	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
240	Phùng Minh Tuấn	6/7/1998	KT240	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
241	Phạm Thanh Tùng	25/02/1994	KT241	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
242	Trần Quang Tùng	2/1/1994	KT242	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
243	Phạm Công Tuyển	16/12/2000	KT243	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
244	Nguyễn Thị Tuyết	23/3/1992	KT244	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XI	
245	Nguyễn Ngọc Thái	29/5/1998	KT245	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
246	Đoàn Phương Thanh	18/7/2002	KT246	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
247	Hoàng Hà Thanh	8/11/1992	KT247	Phòng 11	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành Ib	
248	Nguyễn Thúy Thanh	11/11/2002	KT248	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
249	Lò Công Thành	10/2/2000	KT249	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	Dân tộc thiểu số
250	Phạm Đức Thành	13/9/2002	KT250	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	
251	Phạm Tuấn Thành	02/01/2002	KT251	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	
252	Hồ Quang Thao	31/10/1994	KT252	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
253	Dương Phương Thảo	20/9/1998	KT253	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
254	Đỗ Phương Thảo	4/2/2000	KT254	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
255	Hoàng Thị Thảo	20/11/1998	KT255	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
256	Nguyễn Ngọc Thảo	22/11/2002	KT256	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	
257	Nguyễn Phương Thảo	10/6/2001	KT257	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
258	Nguyễn Thị Phương Thảo	22/4/2002	KT258	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
259	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/10/1995	KT259	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
260	Phương Dạ Thảo	4/6/2002	KT260	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực X	Dân tộc thiểu số
261	Nông Đức Thắng	10/5/1995	KT261	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	Dân tộc thiểu số
262	Nguyễn Đức Thắng	22/1/1998	KT262	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	
263	Nguyễn Ngọc Thịnh	17/1/2000	KT263	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
264	Nguyễn Đình Thọ	27/01/1991	KT264	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
265	Đỗ Thị Thoa	1/4/2001	KT265	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Vụ Pháp chế	
266	Nguyễn Thị Thoa	29/11/1992	KT266	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
267	Huỳnh Hữu Thoại	6/4/1993	KT267	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
268	Phan Diệu Thùy	19/1/2002	KT268	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
269	Bế Ngọc Thùy	19/11/1994	KT269	Phòng 12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	Dân tộc thiểu số

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
270	Phạm Anh Thu	7/10/2002	KT270	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
271	Vũ Bá Thức	23/9/1992	KT271	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
272	Trần Thị Hoài Thương	30/12/1993	KT272	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực III	
273	Trần Thị Hoài Thương	26/3/2002	KT273	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
274	Dương Hà Trang	31/7/2002	KT274	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
275	Đào Thị Thu Trang	9/7/1997	KT275	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
276	Hoàng Ngọc Trang	23/5/2000	KT276	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
277	Lê Hà Trang	16/6/2002	KT277	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
278	Lê Thị Đào Trang	12/10/1992	KT278	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
279	Mai Thị Hà Trang	5/1/1999	KT279	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
280	Nguyễn Phương Trang	10/9/2001	KT280	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
281	Nguyễn Thị Trang	07/7/2001	KT281	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
282	Nguyễn Thị Ngọc Trang	2/3/1990	KT282	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
283	Nguyễn Vũ Kiều Trang	13/3/2002	KT283	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
284	Trần Diệp Trang	13/10/1997	KT284	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
285	Trần Thị Kiều Trang	25/6/1989	KT285	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực V	
286	Trần Thị Quỳnh Trang	17/7/1999	KT286	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
287	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	1/8/2001	KT287	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
288	Tạ Ngọc Trâm	31/10/2000	KT288	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
289	Đàm Quang Trung	14/2/1992	KT289	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
290	Hồ Thành Trung	28/08/2002	KT290	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
291	Nguyễn Quang Trung	6/9/1996	KT291	Phòng 13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
292	Nguyễn Hà Thảo Uyên	26/8/2002	KT292	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
293	Thái Thị Thảo Uyên	01/12/2002	KT293	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	
294	Chu Hồng Vân	24/6/1999	KT294	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
295	Hoàng Ngọc Vân	19/3/2002	KT295	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	
296	Nguyễn Thị Cẩm Vân	14/9/2001	KT296	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực I	
297	Nguyễn Thị Thảo Vân	22/8/2002	KT297	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
298	Phạm Ngọc Thảo Vân	4/9/2001	KT298	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
299	Đặng Quốc Việt	23/12/2002	KT299	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VII	
300	Ngô Quốc Việt	29/8/1997	KT300	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
301	Nguyễn Tuấn Vinh	23/11/2001	KT301	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	Dân tộc thiểu số
302	Cù Hoàng Lâm Vũ	9/4/2002	KT302	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
303	Nguyễn Anh Vũ	15/6/2002	KT303	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
304	Phạm Nguyên Vũ	18/10/2003	KT304	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
305	Phạm Trường Vũ	26/12/1999	KT305	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN	
306	Phan Huy Vũ	5/9/2000	KT306	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IX	
307	Trần Ngọc Vương	13/4/1997	KT307	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
308	Đàm Phạm Mai Vy	25/10/2002	KT308	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	
309	Nguyễn Phạm Khánh Vy	19/7/2000	KT309	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
310	Trần Triệu Vy	3/4/2001	KT310	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
311	Hoàng Thị Ngọc Yến	5/3/1998	KT311	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
312	Lê Phùng Hồng Yến	26/8/1998	KT312	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN chuyên ngành II	
313	Nguyễn Đăng Hải Yến	26/02/2002	KT313	Phòng 14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính- Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN khu vực II	
II. Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng							
1	Nguyễn Thị Thu An	10/3/1997	XD001	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành Ia	
2	Đậu Văn Anh	15/6/1992	XD002	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Vụ Tổng hợp	
3	Nguyễn Thế Anh	1/4/1982	XD003	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành III	Con thương binh
4	Trần Việt Bách	2/12/2000	XD004	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Vụ Tổng hợp	
5	Nguyễn Hữu Bình	19/11/1997	XD005	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Vụ Tổng hợp	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
6	Diệp Tuấn Cường	26/1/1994	XD006	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực XIII	
7	Trần Việt Dũng	5/5/2000	XD007	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực VI	
8	Bùi Nam Giang	28/11/1991	XD008	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành Ia	
9	Trần Minh Giang	11/8/2000	XD009	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành III	
10	Đoàn Hào Hiệp	11/10/1991	XD010	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Văn phòng KTNN	
11	Lê Văn Hiếu	15/7/1995	XD011	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực V	
12	Nguyễn Công Hiếu	7/2/1998	XD012	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành Ia	
13	Trần Huy Hoàng	2/11/1986	XD013	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành II	
14	Phan Thế Hùng	11/7/1994	XD014	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực VIII	
15	Lưu Ngọc Quỳnh Khôi	25/4/1998	XD015	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực IV	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự
16	Trịnh Phúc Lâm	11/10/2000	XD016	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Vụ Tổng hợp	
17	Nguyễn Thành Luân	24/7/1999	XD017	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực VIII	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
18	Hòa Quang Minh	31/10/2000	XD018	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành Ib	
19	Nguyễn Trần Trà My	12/10/1995	XD019	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Văn phòng KTNN	
20	Nguyễn Trọng Nghĩa	6/7/1994	XD020	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành Ia	
21	Lê Hà Sơn	20/2/1991	XD021	Phòng 15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực XIII	
22	Phạm Hồng Thái	16/4/1998	XD022	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành Ia	
23	Nguyễn Duy Thanh	20/9/1985	XD023	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực III	
24	Đoàn Đức Thành	15/9/1999	XD024	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực III	
25	Nguyễn Tấn Thành	10/2/1988	XD025	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực IX	
26	Nguyễn Phương Thảo	19/11/1999	XD026	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN chuyên ngành III	
27	Nguyễn Mạnh Thắng	9/9/2000	XD027	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực I	
28	Vũ Khánh Thu	24/8/2001	XD028	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực VI	
29	Bùi Thu Trang	28/3/1993	XD029	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	Vụ Tổng hợp	
30	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8/8/1987	XD030	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực IX	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
31	Đỗ Quốc Vượng	8/7/2000	XD031	Phòng 16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN khu vực VIII	
III. Chính trị học, Xã hội học							
1	Nguyễn Tiến An	11/10/2002	CT001	Phòng 16	Chính trị học, Xã hội học	Văn phòng KTNN	
2	Nguyễn Hương Giang	19/3/2001	CT002	Phòng 16	Chính trị học, Xã hội học	Văn phòng KTNN	
3	Nguyễn Hải Thanh	8/5/2001	CT003	Phòng 16	Chính trị học, Xã hội học	Văn phòng KTNN	
IV. Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường							
1	Vũ Thị Phương Anh	5/5/2001	MT001	Phòng 16	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành III	
2	Ngô Thế Cường	29/10/1987	MT002	Phòng 16	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN khu vực XII	
3	Đoàn Việt Dũng	17/9/1994	MT003	Phòng 16	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành III	
4	Lê Quang Hải	8/6/1997	MT004	Phòng 16	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành III	
5	Chu Trọng Hiệp	10/9/1990	MT005	Phòng 16	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành III	
6	Trần Thị Mỹ Lộc	26/6/1999	MT006	Phòng 16	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành III	
7	Nguyễn Thị Trang	14/7/1998	MT007	Phòng 16	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành III	
8	Trương Công Trí	18/03/1993	MT008	Phòng 16	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN khu vực XII	
V. Luật kinh tế, Luật Hành chính							
1	Lê Kiều Anh	22/7/2002	LKT001	Phòng 17	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
2	Nguyễn Thị Hương Giang	22/9/2002	LKT002	Phòng 17	Luật Kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Tổng hợp	
3	Nguyễn Diệu Linh	14/9/2002	LKT003	Phòng 17	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
4	Vũ Đình Lộc	6/4/2002	LKT004	Phòng 17	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
5	Hoàng Như Ngọc	22/2/1999	LKT005	Phòng 17	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
6	Lê Minh Ngọc	2/1/2002	LKT006	Phòng 17	Luật Kinh tế, Luật Hành chính	KTNN khu vực IV	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
7	Nguyễn Ngọc Quỳnh	2/10/2002	LKT007	Phòng 17	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
8	Lưu Hương Trà	28/10/2000	LKT008	Phòng 17	Luật Kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Tổng hợp	
9	Đặng Thu Trang	30/9/2002	LKT009	Phòng 17	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
10	Ngô Thùy Trang	7/11/2002	LKT010	Phòng 17	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
11	Nguyễn Hà Trang	16/7/1997	LKT011	Phòng 17	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
12	Nguyễn Hà Trinh	1/10/2002	LKT012	Phòng 17	Luật Kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Tổng hợp	

VI. Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông

1	Đào Xuân An	27/6/2001	CNTT001	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	Cục Công nghệ thông tin	
2	Vũ Nhật Anh	8/2/2002	CNTT002	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	Cục Công nghệ thông tin	
3	Bùi Thế Dũng	4/2/2001	CNTT003	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	Cục Công nghệ thông tin	
4	Nguyễn Văn Đạt	09/4/1993	CNTT004	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	KTNN khu vực VIII	
5	Trương Tuấn Hiệp	7/6/2001	CNTT005	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	Cục Công nghệ thông tin	
6	Bùi Thái Hưng	2/8/2000	CNTT006	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	KTNN chuyên ngành II	
7	Nguyễn Nhật Khánh	13/11/2001	CNTT007	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	Cục Công nghệ thông tin	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên
8	Nguyễn Tuấn Thành	14/1/2000	CNTT008	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	Cục Công nghệ thông tin	
9	Nguyễn Xuân Thủy	25/1/1995	CNTT009	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	Cục Công nghệ thông tin	
10	Hà Minh Thư	13/12/2001	CNTT010	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	Vụ Tổng hợp	
11	Nguyễn Bá Trung	21/12/2000	CNTT011	Phòng 17	Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử- viễn thông	Cục Công nghệ thông tin	



VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Đỗ Văn Tạo